



Hướng dẫn sử dụng thuốc

CEFUROFAST 250, 750, 1500

Cefuroxime sodium tương ứng với 250mg Cefuroxime
Cefuroxime sodium tương ứng với 750mg Cefuroxime
Cefuroxime sodium tương ứng với 1500mg Cefuroxime

Công thức:

Mỗi lọ Cefurofast 250 chứa cefuroxime sodium tương ứng với 250mg cefuroxime

Mỗi lọ Cefurofast 750 chứa cefuroxime sodium tương ứng với 750mg cefuroxime

Mỗi lọ Cefurofast 1500 chứa cefuroxime sodium tương ứng với 1500mg cefuroxime

Hoạt chất:

Cefuroxime sodium

Tá dược: không có

Dạng bào chế: thuốc bột pha tiêm

Dược lực học:

Cefuroxime là kháng sinh bán tổng hợp phổ rộng, thuộc nhóm cephalosporin, có hoạt tính kháng khuẩn do ức chế tổng hợp vách tế bào vi khuẩn bằng cách gắn vào các protein đích thiết yếu (các protein gắn penicilin). Nguyên nhân kháng thuốc có thể là do vi khuẩn tiết enzym cephalosporinase, hoặc do biến đổi các protein gắn penicilin.

Cefuroxime có hoạt tính kháng khuẩn hữu hiệu và rất đặc trưng chống nhiều tác nhân gây bệnh thông thường, kể cả các chủng tiết beta-lactamase/cephalosporinase của cả vi khuẩn Gram dương và Gram âm. Cefuroxime đặc biệt rất bền với nhiều enzyme beta-lactamase của vi khuẩn Gram âm.

Dược động học:

Hấp thu:

Muối Natri được dùng theo đường tiêm bắp hoặc tĩnh mạch. Có tới 50% cefuroxime trong hệ tuần hoàn liên kết với protein huyết tương. Nửa đời của thuốc trong huyết tương khoảng 70 phút và dài hơn ở người suy thận và trẻ sơ sinh.

Phân bố:

Cefuroxime phân bố rộng khắp cơ thể, kể cả dịch màng phổi, đờm, xương, hoạt dịch và thủy dịch. Thể tích phân bố biểu kiến ở người lớn khỏe mạnh nằm trong khoảng từ 9,3-15,8 lít/1,73 m². Cefuroxime đi qua hàng rào máu não khi màng não bị viêm. Thuốc qua nhau thai và có bài tiết qua sữa mẹ.

Chuyển hóa:

Cefuroxime không bị chuyển hóa.

Thải trừ:

Cefuroxime được thải trừ ở dạng không biến đổi, khoảng 50% qua lọc cầu thận, và khoảng

50% qua bài tiết ở ống thận. Thuốc đạt nồng độ cao trong nước tiểu. Sau khi tiêm, hầu hết liều sử dụng thải trừ trong vòng 24 giờ, phần lớn thải trừ trong vòng 6 giờ. Probenecid ức chế thải trừ cefuroxime qua ống thận, làm cho nồng độ cefuroxime trong huyết tương tăng cao và kéo dài. Cefuroxime chỉ thải trừ qua mật với lượng rất nhỏ.

Nồng độ cefuroxime trong huyết thanh bị giảm khi thẩm tách.

Chỉ định điều trị:

Điều trị nhiễm khuẩn thể nặng đường hô hấp dưới (kể cả viêm phổi).

Nhiễm khuẩn da và mô mềm.

Nhiễm khuẩn xương khớp.

Nhiễm khuẩn thể nặng niệu-sinh dục.

Nhiễm khuẩn huyết và viêm màng não do các vi khuẩn nhạy cảm gây ra.

Dự phòng nhiễm khuẩn phẫu thuật.

Chống chỉ định:

Người bệnh có tiền sử dị ứng với kháng sinh nhóm cephalosporin.

Liều dùng và cách dùng:

Chỉ sử dụng thuốc tiêm cephalosporin trong các trường hợp nhiễm khuẩn nặng hoặc có biến chứng. Thuốc tiêm cefuroxime là dạng muối natri. Có thể tiêm bắp sâu, tiêm tĩnh mạch chậm trong 3 đến 5 phút hoặc truyền tĩnh mạch.

Người lớn:

Liều thông thường là 750 mg, 8h/lần nhưng trong các nhiễm khuẩn nặng hơn có thể tiêm tĩnh mạch 1,5g, 8h hoặc 6h/lần.

Trẻ em và trẻ còn rất nhỏ:

30 mg đến 60 mg/kg thể trọng/ngày, nếu cần có thể tăng đến 100 mg/kg/ngày, chia làm 3-4 liều nhỏ. Trẻ sơ sinh có thể cho dùng tổng liều hàng ngày tương tự nhưng chia làm 2 hoặc 3 liều nhỏ.

Trường hợp suy thận:

Có thể cần giảm liều tiêm

Độ thanh thải creatinin	Liều dùng
10-20 ml/phút	750mg/12h
<10ml/phút	750mg/ngày

Viêm màng não do chủng vi khuẩn nhạy cảm:

Đối tượng	Liều lượng	Đường tiêm
Người lớn	3g/8h	Tiêm tĩnh mạch
Trẻ em và trẻ rất nhỏ	200-240 mg/kg/ngày chia làm 3-4 liều nhỏ	
Trẻ sơ sinh	100mg/kg/ngày	

Bệnh lậu:

Dùng liều duy nhất 1,5g. Có thể chia làm 2 mũi tiêm 750 mg vào các vị trí khác nhau.

Dự phòng nhiễm khuẩn phẫu thuật:

Liều thông thường là 1,5g tiêm tĩnh mạch trước



hầu thuật, sau đó duy trì 750mg/8h trong 14 ngày.

Chống chỉ định và cảnh báo:

tra kỹ tiền sử dị ứng cephalosporin, penicilin hoặc các thuốc khác trước khi bắt đầu trị liệu bằng cefuroxime.

Độc tính của cefuroxime hiếm khi gây biến đổi chức năng thận, vẫn nên kiểm tra thận khi điều trị cefuroxime, nhất là người bệnh ốm nặng dùng liều tối đa. Nên thận trọng khi cho người bệnh dùng đồng thời với các thuốc lợi tiểu, vì có thể có tác dụng bất lợi đến chức năng thận.

Liều ở người suy thận.

Cần báo cáo viêm đại tràng màng giả xảy ra khi sử dụng các kháng sinh phổ rộng, vì vậy cần quan tâm, chẩn đoán bệnh này và điều trị bằng metronidazol cho người bệnh tiêu chảy do dùng kháng sinh. Nên hết sức thận trọng khi kê đơn kháng sinh phổ rộng cho người có bệnh đường tiêu hóa, đặc biệt là viêm đại tràng.

Tác dụng không mong muốn:

Tác dụng không mong muốn có thể xảy ra trong quá trình điều trị với cefuroxime được chia thành các nhóm theo thứ tự sau:

Thường gặp (> 1/100)

Đau đầu: đau rất tại chỗ và viêm tĩnh mạch tại chỗ tại nơi tiêm truyền.

Đau dạ dày: tiêu chảy.

Phản ứng da: ban da dạng sẩn.

Thỉnh thoảng (> 1/1000 đến < 1/100)

Phản ứng da: phản ứng phản vệ, nhiễm nấm da.

Thay đổi bạch cầu ưa eosin, giảm bạch cầu trung tính, thử nghiệm Coombs dương tính.

Đau đầu: tiêu hóa: buồn nôn.

Đau khớp: rối loạn tiêu hóa, ngứa.

Thận: niệu-sinh dục: tăng creatinin trong huyết thanh.

Hiếm gặp (< 1/1000)

Đau đầu: thân: sốt.

Đau khớp: thiếu máu tan máu.

Đau khớp: tiêu hóa: viêm đại tràng màng giả.

Đau khớp: ban đỏ đa hình, hội chứng Stevens-Johnson, hoại tử biểu bì nhiễm độc.

Đau khớp: vàng da, ứ mật, tăng nhẹ AST, ALT.

Đau khớp: thận: nhiễm độc có tăng tạm thời urê huyết, tăng creatinin huyết, viêm thận kẽ.

Đau khớp: ảnh hưởng nghiêm trọng không mong muốn có thể xảy ra, nên ngưng thuốc.

Cảnh báo cho Bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc:

Tương tác thuốc:

Tương tác thuốc: Probenecid liều cao làm giảm thanh thải cefuroxime ở thận, làm cho nồng

độ cefuroxime trong huyết tương cao hơn và kéo dài hơn.

Tăng độc tính: aminoglycosid làm tăng khả năng gây nhiễm độc thận.

Không nên dùng thuốc tiêm natri bicarbonat để pha loãng cefuroxime.

Phụ nữ có thai và cho con bú:

Cefuroxime được xem là an toàn sử dụng cho phụ nữ có thai và cho con bú.

Lái xe và vận hành máy móc:

Cefuroxime không ảnh hưởng đến lái xe và điều khiển máy móc.

Sử dụng quá liều và điều trị:

Triệu chứng:

Phần lớn thuốc chỉ gây buồn nôn, nôn và tiêu chảy. Tuy nhiên có thể gây phản ứng tăng kích thích thần kinh cơ và cơ co giật, nhất là ở người suy thận.

Điều trị:

Bảo vệ đường hô hấp của người bệnh, hỗ trợ thông thoáng khí và truyền dịch. Nếu phát triển các cơn co giật, ngừng ngay sử dụng thuốc, có thể sử dụng liệu pháp chống co giật nếu có chỉ định về lâm sàng. Thẩm tách máu có thể loại bỏ thuốc khỏi máu, nhưng phần lớn việc điều trị là hỗ trợ hoặc giải quyết triệu chứng.

Bảo quản:

Bảo quản nơi khô mát, nhiệt độ không quá 30°C, tránh ánh sáng.

Để xa tầm tay trẻ em.

Khuyến cáo:

Thuốc này chỉ dùng theo đơn của bác sĩ.

Để xa tầm tay trẻ em.

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.

Nếu cần thêm thông tin xin hỏi ý kiến bác sĩ.

Hạn Dùng: 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

Đóng gói:

Cefurofast 250: Hộp 1 lọ kèm một ống nước cất tiêm 5ml hoặc hộp 10 lọ thuốc tiêm bột.

Cefurofast 750 và 1500: Hộp 1 lọ kèm một ống nước cất tiêm 10ml hoặc hộp 10 lọ thuốc tiêm bột.

Tiêu chuẩn: USP 30

Sản xuất nhượng quyền của:

LABESFAL Laboratórios Almiro S.A.

3465-157 Santiago de Besteiros PORTUGAL

Tại: CTCP DƯỢC PHẨM TENAMYD

Lô Y01 - 02A - Tân Thuận, KCN/KCX Tân Thuận, Q. 7 - TPHCM.



TENAMYD PHARMA CORP.